

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
gói thầu cung cấp thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023
của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế; Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý điều hành ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu mua thuốc trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 337/TTr-SYT ngày 23/11/2023; Báo cáo thẩm định ngày 16/11/2023 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua thuốc sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế do các cơ sở y tế tự tổ chức lựa chọn nhà thầu (Thành lập theo Quyết định số 891/QĐ-SYT ngày 19/7/2023 của Giám đốc Sở Y tế); Tờ trình số 50/TTr-BVYC ngày 13/11/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp thuốc được liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (theo Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu tổ chức thực hiện quy trình mua sắm đảm bảo theo đúng pháp luật quy định hiện hành và các văn bản quy định khác liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu về nội dung thẩm định, trình duyệt. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện sai phạm (nếu có) báo cáo UBND tỉnh kịp thời để xem xét, quyết định.

2. Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019, Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 20/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các quy định hiện hành về đấu thầu. Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc trình Chủ tịch UBND tỉnh, các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan giám sát việc thi hành pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX_s.Hùng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Tráng Thị Xuân



Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Thực hiện theo Quyết định số: 2532 /QĐ-UBND ngày 28 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu cung cấp thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. (gồm 54 mặt hàng, trong đó: Nhóm 01: 3; Nhóm 2: 01; Nhóm 3: 48; Nhóm 4: 2.)	8.100.628.500 đồng <i>(Bằng chữ: Tám tỷ, một trăm triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng)</i>	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Trong quý IV năm 2023	Hợp đồng trọn gói	12 tháng, kể từ ngày Ký hợp đồng



Phụ lục II

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU CUNG CẤP THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN NĂM 2023


Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Thực hiện theo Quyết định số: 2532 /QĐ-UBND ngày 28 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

ST T	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	1	Gừng.	Nhóm 3	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	150	36.750	5.512.500
2	4	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liên, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đằng, Bạc hà.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Gói/Chai/Lọ/Túi	5.000	3.600	18.000.000
3	5	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc.	Nhóm 3	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói/Chai/Lọ/Túi	50.000	2.750	137.500.000
4	7	Actiso	Nhóm 1		Viên	Viên	150.000	600	90.000.000
5	8	Actiso, Biện súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Chai/Lọ/Túi/Ống	150.000	1.450	217.500.000
6	9	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	150.000	2.499	374.850.000
7	10	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai.	Nhóm 1	Uống	Viên	Viên	500.000	650	325.000.000
8	10	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai.	Nhóm 1	Uống	Viên nang	Viên	100.000	1.800	180.000.000
9	12	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	100.000	900	90.000.000
10	17	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thực, Đan sâm, Bán lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chi thực, Mạch nha, Nghệ.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	100.000	2.200	220.000.000
11	18	Cao khô lá dâu tằm.	Nhóm 4	Uống	Viên nang	Viên	70.000	2.499	174.930.000
12	22	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	120.000	605	72.600.000
13	24	Diệp hạ châu, Chua ngọt, Cỏ nhọ nôi.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	150.000	1.500	225.000.000
14	25	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	30.000	1.680	50.400.000
15	26	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nôi, Râu ngô/Râu bắp, (Kim ngân hoa), (Nghệ).	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	150.000	882	132.300.000
16	27	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	Nhóm 3	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói/Chai/Lọ/Túi	50.000	4.620	231.000.000
17	28	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, cỏ mực	Nhóm 2	Uống	Viên nang	Viên	100.000	1.899	189.900.000



ST T	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
18	36	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao can, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	100.000	690	69.000.000
19	37	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	80.000	1.450	116.000.000
20	44	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	1.990	99.500.000
21	56	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	70.000	2.050	143.500.000
22	57	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thực, Ngưu tất, Sinh địa/Thực địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	150.000	680	102.000.000
23	57	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thực, Ngưu tất, Sinh địa/Thực địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	680	34.000.000
24	65	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Chai/Lọ/Túi/Ống	100.000	2.200	220.000.000
25	65	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	30.000	3.297	98.910.000
26	70	Mã tiền chế, Đương quy, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	100.000	1.400	140.000.000
27	72	Mã tiền chế, Thương truật, Hương phụ tứ chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	150.000	1.710	256.500.000
28	76	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thực, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, Mã tiền.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	50.000	2.835	141.750.000
29	80	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đăng, Hoài sơn/Sơn Dực, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thực, Cam thảo, Đảng sâm.	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/Chai/Lọ/Túi	30.000	3.650	109.500.000
30	82	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhân), (Đại táo).	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	3.000	37.980	113.940.000
31	92	Hoàng liên, Vân Mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	80.000	1.722	137.760.000
32	95	Lá khô, Dạ cầm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	30.000	1.700	51.000.000



ST T	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
33	98	Men hỗ trợ tiêu hóa.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	50.000	2.500	125.000.000
34	103	Ngưu nhĩ phong, La liễu.	Nhóm 4	Uống	Viên	Viên	20.000	7.800	156.000.000
35	127	Đỉnh lăng, Bạch quả, (Đậu trong).	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	150.000	174	26.100.000
36	128	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Chai/Lọ/Túi/Ống	130.000	3.200	416.000.000
37	129	Đương quy, Bạch quả.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	200.000	1.400	280.000.000
38	135	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	100.000	900	90.000.000
39	140	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bồ, Đỗ trọng, Cúc bắt tử, Nấm sò khô.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	150.000	2.500	375.000.000
40	142	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	30.000	1.790	53.700.000
41	156	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	2.000	31.983	63.966.000
42	173	Bột bèo hoa dâu.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	120.000	1.900	228.000.000
43	175	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa).	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	80.000	2.650	212.000.000
44	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	100.000	850	85.000.000
45	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Nhóm 3	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi/Ống	3.000	39.400	118.200.000
46	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	60.000	3.100	186.000.000
47	183	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	1.083	54.150.000
48	184	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỷ tử.	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	50.000	1.190	59.500.000
49	186	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe/Rutin, (Bạch truật).	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	30.000	900	27.000.000
50	188	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	80.000	4.900	392.000.000



ST T	STT trong TT 05	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
51	208	Tân di/Tân di hoa, Cáo bản, Bạch chi, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	70.000	1.900	133.000.000
52	211	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa.	Nhóm 3	Uống	Viên hoàn cứng	Chai/Lọ/Túi/Ổng	30.000	3.402	102.060.000
53	213	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chi, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, Kim ngân hoa.	Nhóm 3	Uống	Viên nang	Viên	100.000	2.499	249.900.000
54	219	Địa liên, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não.	Nhóm 3	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	3.000	33.400	100.200.000
		Tổng cộng: 54 mặt hàng							8.100.628.500
Số tiền bằng chữ: Tám tỷ, một trăm triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng.									